

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **346/2022/HS - PT**

Ngày: 18/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường.**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 180/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Dương Ngọc Đ về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Dương Ngọc Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/3/1976, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Số 141 Đường N1, thôn 4, xã H3, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chuyên viên Ban tiếp công dân thuộc Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 11/5/2021. Trình độ văn hóa: 12/12; Trình độ học vấn: Kỹ sư nông nghiệp; Con ông: Dương Ngọc Ph, sinh năm 1942 và bà: Võ Thị H, sinh năm 1947; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Đ2, sinh năm 1978 và có 02 con, sinh năm 2005 và 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk từ ngày 07/5/2021. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Bà Nguyễn Ngọc Bảo C1 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Tín Việt. Địa chỉ: phường T4, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Thái Văn C2 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Hãng luật Nguyên Giáp. Địa chỉ: Số 70/1E1 đường 109 khu phố 5, phường P1, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH MTV. Địa chỉ:, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiết H, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng H1 và ông Phạm Văn K, chức vụ: Nhân viên Phòng nhân sự - hành chính. Có mặt.

2. Công ty TNHH MTV B Tp. Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C1, chức vụ: Giám đốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 86 Đường B1, phường T1, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1980. Địa chỉ: 86 Đường B1, phường T1, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

5. Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: 296/1 đường N, phường T2, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Ông Dương Ngọc H2, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Ấp 1**, xã Đ1, huyện B3, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

7. Bà Hỷ Chánh D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ1, huyện B3, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

8. Ông Dương Ngọc G, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ1, huyện B3, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị Đ2, sinh năm 1978. Địa chỉ: 141 đường N1, xã H3, Tp. B2, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

10. Bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1967. Địa chỉ: 181/48/6 đường N2, phường T4, Tp. B2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

11. Ông Phan Quốc H4, sinh năm 1964. Địa chỉ: 40/20/18 đường N3, phường T1, Tp. B2, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Công ty Nông nghiệp S trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Tổng Công ty Nông nghiệp S) là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hồ Chí Minh, được Phòng đăng ký kinh doanh

Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300636205.

Ngày 08/9/2010 UBND thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 3945/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Tổng Công ty Nông nghiệp S hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH MTV; trong đó Công ty TNHH Một thành viên B thành phố Hồ Chí Minh (Công ty B) là công ty con có 100% vốn của Tổng Công ty Nông nghiệp S. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ ba ngày 09/4/2011, mã số doanh nghiệp 0300628250 có ngành nghề kinh doanh trồng rừng, chăm sóc rừng, trồng cây cao su.... Ngày 31/12/2013 UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 7437/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Nông nghiệp S giai đoạn 2013 - 2015, phê duyệt các ngành nghề khác trong đó có ngành nghề trồng rừng, chăm sóc rừng và trồng cây công nghiệp cao su...

Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư do Ban chỉ đạo Tây Nguyên chủ trì tổ chức tại tỉnh Đắk Lắk vào khoảng năm 2009, Dương Ngọc Đ trong thời gian này giữ chức vụ Trưởng phòng Tổng hợp Ban chỉ đạo Tây Nguyên, Đ đã gặp gỡ và trao đổi với đại diện các Sở, ban, ngành thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có Tổng Công ty Nông nghiệp S về dự án trồng cây cao su tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk và được Tổng Công ty Nông nghiệp S quan tâm, quyết định đầu tư thực hiện dự án.

Thông qua gặp gỡ, Đ có quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh T (thời điểm này bà T đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố B2). Để có tư cách pháp nhân thực hiện dự án, Đ giới thiệu và trao đổi với bà T về việc mở công ty cổ phần để kinh doanh và nhờ bà Trà mượn thêm một số chứng minh nhân dân của người quen để làm hồ sơ mở công ty. Sau đó bà Trà mượn, photo và đưa cho Đ chứng minh nhân dân của ông Ngô Văn Th là cậu ruột của bà T và chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thanh Tr, là em ruột bà T để lập hồ sơ đăng ký thành lập Công ty cổ phần tư vấn đầu tư ĐN (Công ty ĐN). Đ thỏa thuận thuê nhà của bà Trà tại 86 Đường B1, phường T1, thành phố B2 để đặt biển hiệu của công ty và lấy số tiền thuê nhà để góp vốn cổ phần cho bà Trà (không có hợp đồng thuê nhà hay văn bản thỏa thuận cụ thể).

Sau đó Công ty ĐN được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2010; mã số doanh nghiệp 6001101890; địa chỉ trụ sở chính: Số 86 Đường B1, phường T1, thành phố B2; Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Th, chức danh: Giám đốc cổ phần 400.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập gồm: ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Thị Thanh T cổ phần 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh Tr cổ phần 300.000.000 đồng. Ngành, nghề kinh doanh: “Hoạt động

chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Tư vấn về môi trường); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng cây cao su; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu, Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch tổ chức hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...”.

Tháng 12/2010, Công ty ĐN đã gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk để xin cấp con dấu cho Công ty ĐN và đã được cấp con dấu cho Công ty ĐN, con dấu được lưu chiếu ngày 22/12/2010. Tuy nhiên sau khi Công ty ĐN nhận và sử dụng con dấu thì phát hiện con dấu bị cấp sai mã số doanh nghiệp do đó Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk thu hồi con dấu đã cấp và thực hiện thủ tục cấp lại con dấu khác cho Công ty ĐN đúng với mã số doanh nghiệp và con dấu này được lưu chiếu ngày 17/3/2013.

Tháng 02/2011, Đ đề nghị với bà T về việc để bà T đứng tên chủ tài khoản của Công ty ĐN tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh Đắk Lắk (Ngân hàng Đông Á) bà T đồng ý. Sau đó Đ đã làm giả 04 tài liệu để làm thủ tục đăng ký mở tài khoản giao dịch cho Công ty, bà T đã viết và ký vào các tài liệu với chức danh Phó Giám đốc Công ty ĐN, cụ thể:

(01) Giấy ủy quyền ngày 11/02/2011 thể hiện nội dung: Ông Ngô Văn Th, chức danh: Giám đốc, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T được thay thế ông Th ký kết và thực hiện các giao dịch về mặt dân sự, tài chính trong phạm vi hoạt động của Công ty với Ngân hàng Đông Á. Có chữ kí của người ủy quyền – Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN) và người được ủy quyền – Nguyễn Thị Thanh T.

(02) Biên bản họp cổ đông số 02/BB-CTY ngày 01/01/2011 của Công ty ĐN. Người ký: Ông Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN), bà Nguyễn Thị Thanh Tr và Nguyễn Thị Thanh T.

(03) Giấy đăng ký mở tài khoản tiền gửi thanh toán ngày 11/02/2011: Người thực hiện giao dịch: Nguyễn Thị Thanh T, Chức vụ: Phó giám đốc; Người kí: Chủ tài khoản Nguyễn Thị Thanh T (đóng dấu Công ty ĐN).

(04) Giấy cam kết v/v không đăng ký chữ ký kế toán trưởng/người phụ trách kế toán trong giao dịch tài khoản tiền gửi, thể hiện nội dung: Tên tổ chức: Công ty ĐN, Chủ tài khoản 007042900001: Nguyễn Thị Thanh T, chức vụ: Phó Giám đốc. (Người kí: Chủ tài khoản/Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Thanh T, đóng dấu Công ty ĐN).

Dương Ngọc Đ đã dùng con dấu của Công ty đóng dấu lên chữ ký của bà T. Sau đó bà T nộp các tài liệu trên cho Ngân hàng Đông Á, đến ngày

18/02/2011, Ngân hàng Đông Á đã cấp cho Công ty ĐN số tài khoản 007042900001, chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tháng 04/2011 Đ đã làm giả 02 tài liệu của Công ty ĐN để lập hồ sơ mở tài khoản ngân hàng cho Công ty tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu chi nhánh S (Ngân hàng GP Bank), cụ thể:

(05) Giấy uỷ quyền ghi ngày 25/4/2011 giữa ông Th và ông Đ, thể hiện nội dung: “... ông Ngô Văn Th – chức vụ: Giám đốc, là người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư ĐN uỷ quyền cho Dương Ngọc Đ được thay mặt ông Th để làm thủ tục mở tài khoản, đứng tên người chủ tài khoản và thực hiện các giao dịch/ký thay các chứng từ tại Ngân hàng GP Bank ...” (Chữ ký người uỷ quyền: ông Th, đóng dấu Công ty ĐN; Chữ ký người được uỷ quyền: Dương Ngọc Đ) (BL: 361).

(06) Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty ĐN số 02/BB-CTY ngày 25/4/2011, thể hiện nội dung: Hội đồng thành viên thống nhất cử ông Dương Ngọc Đ đứng tên chủ tài khoản Công ty ĐN mở tại Ngân hàng GP Bank. Người ký: Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN), Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thị Thanh Tr (BL: 5188).

Sau đó Đ đã dùng 02 tài liệu trên gửi đến Ngân hàng GP Bank, đến ngày 27/4/2011 Ngân hàng GP Bank đã cấp cho Công ty ĐN tài khoản số 11000100030979 (sau này nâng cấp hệ thống thành tài khoản số 001-000-00367308), chủ tài khoản là Dương Ngọc Đ.

Khoảng tháng 8/2011, mặc dù Đ không phải cổ đông của công ty, cũng không được bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty ĐN, tuy nhiên để được ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Nông nghiệp S, Đ đã làm giả **(07)** Giấy uỷ quyền số 68/UQ-CTY của Công ty ĐN ghi ngày 06/8/2011, thể hiện nội dung: “...ông Ngô Văn Th – Giám đốc Công ty ĐN đồng ý uỷ quyền cho ông Dương Ngọc Đ hiện là Phó Giám đốc Tư vấn của Công ty ĐN được phép thay mặt Giám đốc Công ty thoả thuận và ký Hợp đồng kinh tế “Dự án trồng rừng, trồng cây công nghiệp tại địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk” với Tổng Công ty Nông nghiệp S...”. Người ký: Giám đốc Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN), sau đó Đ đã gửi giấy uỷ quyền trên cho Tổng Công ty Nông nghiệp S.

Ngày 03/10/2011, Tổng Công ty Nông nghiệp S (Bên A; do ông Nguyễn Văn Trục - Tổng Giám đốc đại diện) đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ-TCT (Hợp đồng 205) với Công ty ĐN (Bên B; do Dương Ngọc Đ đại diện với chức danh Phó Giám đốc). Tên công trình: Dự án trồng cây công nghiệp; diện tích tạm tính khoảng 4.000 ha tại các Tiểu khu 238, 239, 267, 268 thuộc xã Ea Bung, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị hợp đồng: 15.000.000 đồng/ha x 4.000 ha

= 60.000.000.000 đồng. Tiến độ thực hiện công việc là 200 ngày tính từ ngày bên B ứng tiền đợt 1.

Cùng ngày 03/10/2011, Tổng Công ty Nông nghiệp S có văn bản số 804/GUQ-TCT ủy quyền cho Công ty con trực thuộc là Công ty B thực hiện toàn bộ Hợp đồng 205.

Đ làm giả **(08)** Giấy đề nghị, v/v xin tạm ứng kinh phí theo Hợp đồng số 205 của Công ty ĐN ghi ngày 05/9/2011, thể hiện nội dung: "... Công ty ĐN đề nghị Công ty B cho Công ty ĐN tạm ứng 20% kinh phí theo giá trị Hợp đồng số 205, số tiền tạm ứng là 12 tỷ đồng...". Người kí: Giám đốc Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN) gửi đến Công ty B để được tạm ứng số tiền 12 tỷ đồng. Đối với thời gian của giấy đề nghị trên ghi trước ngày ký kết Hợp đồng 205, Đ và Công ty B trình bày là do ghi nhầm thời gian, thực tế sau khi ký kết Hợp đồng 205 Đ mới gửi giấy tờ trên đến Công ty B.

Ngày 07/10/2011, Công ty B chuyển số tiền tạm ứng kinh phí 08 tỷ đồng đến số tài khoản 11000100030979 của Công ty ĐN tại Ngân hàng GP Bank.

Ngày 17/4/2012, Công ty ĐN và Tổng Công ty Nông nghiệp S tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 01, với nội dung: Bên A đồng ý gia hạn cho bên B thời gian hoàn thành công việc tư vấn.

Để được tạm ứng số tiền 04 tỷ đồng còn lại, Đ làm giả **(09)** Giấy đề nghị, v/v tạm ứng kinh phí theo Hợp đồng số 205 của Công ty ĐN ghi ngày 15/5/2012, thể hiện nội dung: "...đề nghị Công ty B cho Công ty ĐN thanh toán theo Điều I Hợp đồng số 205 với số tiền 4.000.000.000 đồng...". Người ký: Giám đốc Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty ĐN) và gửi cho Công ty B.

Ngày 21/5/2012, Công ty B chuyển số tiền tạm ứng kinh phí 04 tỷ đồng đến số tài khoản 11000100030979 của Công ty ĐN tại Ngân hàng GP Bank.

Tháng 02/2013 Đ làm giả **(10)** Giấy ủy quyền số 06/GUQ của Công ty ĐN ghi ngày 28/02/2013, thể hiện nội dung: "...ông Th ủy quyền cho Đ thay mặt Giám đốc, đại diện Công ty ĐN thỏa thuận, bàn bạc, ký kết các văn bản liên quan và phụ lục bổ sung hợp đồng dịch vụ số 205..." (Chữ ký người uỷ quyền: Ngô Văn Th, đóng dấu Công ty ĐN; Chữ ký người nhận uỷ quyền: Dương Ngọc Đ) và **(11)** Giấy ủy quyền số 06/UQ-CTY ghi ngày 28/02/2013 của Công ty Đ Nguyên, thể hiện nội dung: Ông Th ủy quyền cho Đ thỏa thuận và ký hợp đồng kinh tế (Chữ ký người uỷ quyền: Ngô Văn Th, có đóng dấu đỏ của Công ty ĐN; tài liệu không có chữ ký của người được ủy quyền là Dương Ngọc Đ); sau đó gửi đến Tổng Công ty Nông nghiệp S (BL: 370; 5053).

Đến tháng 3/2013, sau khi thấy Công ty ĐN hoạt động kinh doanh không có lợi nhuận nên bà T muốn rút khỏi Công ty ĐN. Tuy nhiên do Đ đang làm dự án, nên Đ và bà T thỏa thuận làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần, thay đổi cổ

đồng sáng lập của Công ty DN. Đ đã lấy tên của ông Dương Ngọc H2 sinh năm 1983; ông Dương Ngọc G sinh năm 1988, đều trú tại: Ấp 3, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Bình Phước, là em ruột của Đ và bà Hỷ Chánh D, sinh năm 1990, trú tại Ấp 1, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Bình Phước, là vợ của Dương Ngọc G làm giả 15 tài liệu của Công ty DN đưa cho bà T kí tên (với mục đích rút khỏi danh sách cổ đông của Công ty), cụ thể:

(12) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong công ty ngày 13/3/2013 của Công ty DN. Có xác nhận của công ty: Ngô Văn Th ký (đóng dấu Công ty DN), chữ ký của bà T và ông G.

(13) Giấy giao nhận tiền ngày 13/3/2013. Có xác nhận của công ty: Ngô Văn Th ký, đóng dấu Công ty DN), có chữ ký của bà T, ông G; nội dung: Bên chuyển nhượng: bà T và Bên nhận chuyển nhượng: ông G, số tiền chuyển nhượng: 300.000.000 đồng.

(14) Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ghi ngày 13/3/2013 của Công ty DN. Có chữ ký: Chủ tịch HĐQT – Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty DN); Thư ký Nguyễn Thị Thanh T, cổ đông công ty – Nguyễn Thị Thanh Tr, các khách mời dự họp Dương Ngọc H2, Hỷ Chánh D, Dương Ngọc G. Chủ trì cuộc họp: Ông Ngô Văn Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Nội dung: Thống nhất việc ông Th, bà T, bà Tr, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Dương Ngọc H2, ông Dương Ngọc G, bà Hỷ Chánh D; thống nhất chuyển trụ sở Công ty về Số 141 đường Đường N1, xã H3, thành phố B2; Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 13/3/2013 đối với ông Th, bà Tr, bà T, Bầu bổ sung ông H2, bà D, ông G là thành viên hội đồng quản trị công ty kể từ ngày 13/3/2013 thay thế cho ông Th, bà Tr, bà T.

(15) Quyết định số 6/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 13/3/2013 của Công ty DN thể hiện: Thay đổi cổ đông sáng lập do công ty chuyển nhượng cổ phần; Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại số 141 đường N1, xã H3, thành phố B2; Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty DN kể từ ngày 13/3/2013 đối với ông Th, bà T, bà Tr; Bổ sung ông H2, ông G, ông D là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty DN kể từ ngày 13/3/2013. Người ký: Chủ tịch HĐQT – Ngô Văn Th (đóng dấu Công ty DN).

(16) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đề ngày 13/3/2013 thể hiện cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần gồm: ông Th, bà T, bà Tr; Cá nhân nhận chuyển nhượng gồm ông H2, ông G và bà D. Người ký: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp - Ngô Văn Th, đóng dấu Công ty DN.

(17) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 3/TB-Công ty ngày 13/3/2013 của Công ty DN, nội dung thể hiện: Thay đổi người đại diện

theo pháp luật từ ông Th sang ông H2; Người kí: Chủ tịch hội đồng quản trị - ông Th, đóng dấu Công ty DN.

(18) Quyết định số 4/QĐ-HĐQT ngày 13/3/2013 của Công ty DN, nội dung thể hiện: Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Th và bổ nhiệm ông H2 giữ chức Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty thay thế cho ông Th kể từ ngày 13/3/2013; Người ký: Chủ tịch Hội đồng quản trị - ông Th, đóng dấu Công ty DN.

(19) Quyết định số 4/QĐ-HĐQT ngày 13/3/2013 của Công ty DN, nội dung thể hiện: Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Th và bầu ông H2 giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 13/3/2013; Người ký: Chủ tịch Hội đồng quản trị - ông Th, đóng dấu Công ty DN.

(20) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong Công ty ngày 13/3/2013 giữa bà Tr và bà D. Có xác nhận của công ty: ông Th (đóng dấu Công ty DN), có chữ ký của bà Tr và bà D.

(21) Giấy giao nhận tiền ngày 13/3/2013 giữa bà Nguyễn Thị Thanh Tr và bà Hỷ Chánh D. Có xác nhận của công ty: Ngô Văn Th (có đóng dấu đỏ của Công ty DN), có chữ ký của bà Tr và bà D.

(22) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong Công ty ngày 13/3/2013 giữa Ngô Văn Th và Dương Ngọc H2. Có xác nhận của công ty: Ngô Văn Th (có đóng dấu đỏ của Công ty DN), có chữ ký của ông Th và ông H2.

(23) Giấy giao nhận tiền ngày 13/3/2013 giữa ông Th và ông H2. Có xác nhận của công ty: ông Th (đóng dấu Công ty DN), có chữ ký của ông Th và ông H2.

(24) Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty DN ngày 13/3/2013, tiêu đề ngày 04/9/2012, về việc miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người ký: Thành viên HĐQT – Chủ trì Dương Ngọc H2, thành viên HĐQT Hỷ Chánh D, thành viên HĐQT – Thư ký Dương Ngọc G.

(25) Danh sách Cổ đông Công ty DN ngày 13/3/2013. Người ký: Đại diện theo pháp luật của Công ty – Dương Ngọc H2, đóng dấu Công ty DN.

Sau đó gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp. Ngày 19/3/2013 Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ nhất cho Công ty DN; địa chỉ trụ sở chính tại số 141 Đường N1, xã H3, thành phố B2. Người đại diện theo pháp luật: ông H2; cổ đông sáng lập gồm: ông H2, bà D và ông G.

Đến tháng 04/2013 Đ nhân danh Phó Giám đốc Công ty ĐN làm giả **(26)** Công văn số 15/CV-CTY ngày 30/4/2013 của Công ty ĐN về việc khẩn trương thực hiện Hợp đồng số 205 (Người ký: Phó Giám đốc Công ty: Dương Ngọc Đ, đóng dấu Công ty ĐN), gửi cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty Nông nghiệp S và Giám đốc Công ty B xem xét, tạo điều kiện, hỗ trợ nguồn lực cho Công ty ĐN hoàn thành dự án.

Ngày 23/5/2013, Công ty ĐN và Tổng công ty Nông nghiệp S tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 02, với nội dung: "...Bên A đồng ý gia hạn cho bên B thời gian hoàn thành công việc tư vấn...". Ngày 20/8/2013 Công ty ĐN và Tổng công ty ký Phụ lục Hợp đồng số 03, với nội dung: "...Bên A đồng ý gia hạn cho bên B thời gian cung cấp chứng từ thể chấp tài sản hợp pháp hoặc chứng thư bảo lãnh của ngân hàng có giá trị tương đương số tiền bên A đã ứng trước...".

Do có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐN, nên vào tháng 8/2013 Đ làm giả **(27)** Giấy uỷ quyền số 06/GUQ ghi ngày 22/8/2013 của Công ty ĐN, thể hiện nội dung: Ông Dương Ngọc H2 chức vụ: Giám đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty ĐN uỷ quyền cho Dương Ngọc Đ chức vụ: Phó Giám đốc Tư vấn Công ty ĐN, thay mặt Giám đốc, đại diện Công ty đứng tên và toàn quyền giao dịch tài khoản số 11000100030979 tại Ngân hàng GP Bank, thành phố Hồ Chí Minh; Chữ ký người uỷ quyền: Dương Ngọc H2, có đóng dấu đỏ của Công ty ĐN; Chữ ký người nhận uỷ quyền: Dương Ngọc Đ. Sau đó Đ gửi cho Ngân hàng GP Bank để Đ được đứng tên và tiếp tục toàn quyền giao dịch tài khoản số 11000100030979.

Tháng 9/2013 Đ nhân danh Phó Giám đốc Công ty ĐN làm giả **(28)** Giấy đăng ký thông tin tài khoản đề ngày 16/9/2013, mã khách hàng 1259608. Chủ tài khoản: Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN, **(29)** Giấy đề nghị về việc không đăng ký kế toán trưởng trong giao dịch tài khoản đề ngày 13/9/2013. Người ký: Chủ tài khoản: Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN và **(30)** Giấy uỷ quyền ngày 13/9/2013 về việc ông Dương Ngọc H2 - Giám đốc Công ty ĐN uỷ quyền cho ông Dương Ngọc Đ - Phó Giám đốc được đại diện mở tài khoản tại Ngân hàng ACB - Phòng Giao dịch Minh Châu, thành phố Hồ Chí Minh (Người ký: Bên uỷ quyền - Dương Ngọc H2, có dấu đỏ của Công ty ĐN, ghi tên Dương Ngọc H2 và bên được uỷ quyền - Dương Ngọc Đ), sau đó gửi đến Ngân hàng ACB - Phòng Giao dịch Minh Châu, thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục mở tài khoản ngân hàng. Ngày 16/9/2013 Ngân hàng ACB - Phòng Giao dịch Minh Châu, thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho Công ty ĐN số tài khoản 166158959, chủ tài khoản là Dương Ngọc Đ.

Từ tháng 02/2014 đến tháng 06/2015 Đ nhân danh Phó Giám đốc Công ty, làm giả 05 tài liệu gửi cho Tổng Công ty Nông nghiệp S để xin được tiếp tục thực hiện dự án, cụ thể:

(31) Công văn số 02/CV-CTY ngày 16/02/2014 của Công ty ĐN về việc giới thiệu đối tác mới tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 205. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(32) Công văn số 06/CV-CTY ngày 17/3/2014 của Công ty ĐN về việc xin tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 205. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(33) Công văn số 12/CV-CTY ngày 18/4/2014 của Công ty ĐN về việc xin tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 205. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(34) Công văn số 18 ngày 31/10/2014 của Công ty ĐN về việc xin tiếp tục thực hiện hợp đồng số 205. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(35) Công văn số 09/CV-CTY ngày 08/6/2015 của Công ty ĐN về việc xin tiếp tục thực hiện dự án trồng rừng và cây công nghiệp tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

Cũng trong tháng 06/2015, Đ tiếp tục làm giả 03 tài liệu của Công ty ĐN để lập hồ sơ mở tài khoản của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk, cụ thể:

(36) Giấy đề nghị mở tài khoản (lần đầu) - tổ chức, ngày 09/6/2015 của Công ty ĐN, Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu: Dương Ngọc H2, ghi tên Dương Ngọc H2, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(37) Thông tin bổ sung hồ sơ khách hàng cho mục đích tuân thủ Fatca của Công ty ĐN, Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu: Dương Ngọc H2, ghi tên Dương Ngọc H2, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(38) Giấy Đăng ký mở tài khoản sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử của Công ty ĐN, Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu: Dương Ngọc H2, ghi tên Dương Ngọc H2, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

Ngày 09/6/2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk cấp cho Công ty ĐN tài khoản số 0231000604726, chủ tài khoản là Dương Ngọc Đ.

Tháng 6/2015 để được tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng, Đ tiếp tục làm giả **(39)** Giấy ủy quyền số 02/UQ-CTY ghi ngày 17/6/2015 của Công ty ĐN, thể hiện nội dung: “...*Ông Dương Ngọc H2 chức vụ: Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐN, ủy quyền cho Dương Ngọc Đ, Chức vụ Phó Giám đốc Tư vấn, được phép thay mặt Giám đốc Công ty thoả thuận và ký Phụ lục hợp đồng kinh tế “Dự án trồng rừng, trồng cây cao su tại địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk” với Tổng Công ty Nông nghiệp S...*”; Chữ ký Giám đốc: Dương

Ngọc H2, có đóng dấu đỏ của Công ty ĐN; Chữ ký bên được ủy quyền: Dương Ngọc Đ, gửi đến Tổng Công ty Nông nghiệp S.

Ngày 18/6/2015, Công ty ĐN và Tổng công ty Nông nghiệp S tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 04, với nội dung: Bên A đồng ý gia hạn thời gian cho bên B thực hiện hoàn thành kết quả tư vấn dự án đầu tư.

Ngày 19/5/2016, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Công văn số 3803/UBND-TNMT về việc chấm dứt chủ trương cho Tổng Công ty Nông nghiệp S khảo sát, lập dự án trồng rừng và cây công nghiệp trên địa bàn huyện E, nên Công ty ĐN không thể tiếp tục thực hiện được dự án trồng cây công nghiệp tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng 205. Mặt khác, do hợp đồng đã kéo dài; Tổng Công ty Nông nghiệp S không có nhu cầu đầu tư, nên ngày 14/7/2016 Tổng Công ty Nông nghiệp S và Công ty ĐN tiến hành làm việc thống nhất việc thanh lý Hợp đồng 205, đồng thời yêu cầu Công ty ĐN chuẩn bị nội dung và hồ sơ thanh lý hợp đồng.

Đ đã giả chữ kí của ông Dương Ngọc H2 làm giả **(40)** Bảng kê chi phí Hợp đồng số 205 ghi ngày 13/9/2016 của Công ty ĐN, nội dung thể hiện: Công ty ĐN giải trình số tiền tương ứng 20% giá trị hợp đồng đã chi cho một số khoản và các khoản tiền (7,3 tỷ đồng) Công ty ĐN bỏ tiền ra đầu tư nhưng chưa được tạm ứng. Người ký: Giám đốc Dương Ngọc H2, có đóng dấu đỏ của Công ty ĐN, gửi đến Tổng Công ty Nông nghiệp S để thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.

Ngày 26/12/2017, Tổng Công ty Nông nghiệp S có văn bản số 1382/TCT-NSHC yêu cầu Công ty ĐN cung cấp các hóa đơn, phiếu chi tiền và tài liệu, chứng từ nhận tiền của các cơ quan, đơn vị, đối tác thực hiện,... để thanh lý hợp đồng. Công ty ĐN đề nghị Tổng Công ty Nông nghiệp S nghiệm thu khối lượng công việc đã được thực hiện, tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng để Công ty ĐN xuất hóa đơn GTGT.

Từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018 Đ làm giả 05 tài liệu và Đ tự kí tên với chức danh Phó Giám đốc Công ty ĐN để làm thủ tục mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (MSB) Chi nhánh Đắk Lắk, cụ thể:

(41) Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-CTY ngày 01/6/2018 của Công ty ĐN; Nội dung ủy quyền: Đ được thay mặt Giám đốc Công ty ĐN quyết định mọi vấn đề của Công ty liên quan đến tài khoản tại Ngân hàng MSB. Người ký: Giám đốc - Dương Ngọc H2, có dấu đỏ của Công ty ĐN; Bên được ủy quyền: Dương Ngọc Đ.

(42) Giấy đề nghị mở và sử dụng tài khoản (Dành cho khách hàng tổ chức có tư cách pháp nhân) ngày 21/6/2018, Người đại diện hợp pháp thứ nhất: Dương Ngọc Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(43) Đơn đăng ký và điều khoản sử dụng dịch vụ M-Banking ngày 21/6/2018 của Công ty ĐN, Chủ tài khoản: Dương Ngọc Đ - Phó Giám đốc, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(44) Giấy đề nghị về việc không đăng ký và sử dụng chữ ký Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ngày 21/6/2018, Chủ tài khoản: Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(45) Đơn đăng ký tài khoản sử dụng nộp thuế điện tử ngày 21/6/2018, Chủ tài khoản: Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

Ngày 21/6/2018 Ngân hàng MSB và Công ty ĐN (người đại diện: Phó Giám đốc Dương Ngọc Đ) ký Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán số 03. Ngày 22/6/2018 Ngân hàng MSB đã cấp cho Công ty ĐN số tài khoản 23001010447888, chủ tài khoản là Dương Ngọc Đ.

Từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018, quá trình thỏa thuận về việc thanh lý hợp đồng với Tổng Công ty Nông nghiệp S, Đ tiếp tục nhân danh Phó Giám đốc làm giả 03 tài liệu của Công ty ĐN gửi cho Tổng Công ty Nông nghiệp S để Công ty ĐN nhanh chóng thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng, cụ thể:

(46) Công văn số 07/CV-CTĐN ngày 15/8/2018 của Công ty ĐN về việc tiếp tục đề nghị chấm dứt và thanh lý Hợp đồng dịch vụ (lần thứ 3). Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN;

(47) Công văn số 08/CV-CTĐN ngày 12/9/2018 của Công ty ĐN về việc phúc đáp văn bản số 735/TCT-NSHC ngày 27/8/2018 của Tổng Công ty Nông nghiệp S. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

(48) Công văn số 09/CV-CTĐN ngày 10/10/2018 của Công ty ĐN về việc phúc đáp văn bản số 797/TCT-NSHC ngày 21/9/2018 của Tổng Công ty Nông nghiệp S. Người ký: Phó Giám đốc – Dương Ngọc Đ, có dấu đỏ của Công ty ĐN.

Tuy nhiên đến nay Công ty ĐN và Tổng Công ty Nông nghiệp S vẫn chưa thực hiện được thủ tục thanh lý hợp đồng.

- Tại các Bản kết luận giám định số 198/PC09 ngày 19/3/2019, số 713/PC09 ngày 27/8/2019, số 806/PC09 ngày 10/10/2019, số 11/PC09 ngày 23/02/2021, số 217/PC09 ngày 15/3/2021, số 356/PC09 ngày 20/4/2021, số 581/KLGD-PC09 ngày 14/6/2021, số 863 ngày 10/9/2021, số 1079 ngày 25/11/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Văn Th trên 21 tài liệu, bao gồm: (01), (02), (05), (06), (07), (08), (09), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) không phải do ông Th ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh Trà trên 08 tài liệu, bao gồm: (01), (02), (03), (04), (06), (12), (13), (14) là do bà T ký và viết ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh Tr trên 05 tài liệu gồm: (02), (06) (14), (20), (21) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký mang tên Dương Ngọc H2 trên 13 tài liệu gồm: (14), (22), (23), (24), (25), (27), (30), (36), (37), (38), (39), (40), (41) không phải do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký mang tên Dương Ngọc G trên 04 tài liệu gồm: (12), (13), (14), (24) không phải do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký mang tên Hỷ Chánh D trên 04 tài liệu gồm: (14), (20), (21), (24) không phải do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Ngọc Đ trên 20 tài liệu gồm: (05), (10), (26), (27), (28), (29), (30), (31), (32), (33), (34), (35), (39), (42), (43), (44), (45), (46), (47), (48) là do cùng một người ký và viết ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ĐN ★ M.S.D.N: 6001101890 - C.T.C.P ★ TP.BUÔN MA THUỘT - T.ĐẮK LẮK” trong 47 tài liệu giám định, so với hình dấu tròn của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư ĐN, là do cùng một con dấu đóng ra.

- Tại kết luận giám định số 972 ngày 24/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk: Chữ viết mang tên Ngô Văn Th trong các tài liệu: Giấy biên nhận ngày 14/12/2010; Giấy ủy quyền đề ngày 25/4/2011, Quyết định số 04 đề ngày 13/3/2013 về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đối với ông Ngô Văn Th; Quyết định số 04 đề ngày 13/3/2013 về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Ngô Văn Th là do Dương Ngọc Đ viết ra.

- Tại kết luận giám định số 581 ngày 14/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk: Chữ ký mang tên Dương Ngọc H2 trong tài liệu: Bảng kê chi phí Hợp đồng số 205/HĐ-TCT đề ngày 13/9/2016 của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư ĐN là do Dương Ngọc Đ ký ra

- Kết luận giám định số 696/C09B ngày 07/5/2021 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với dữ liệu tiếng nói có nội dung Dương Ngọc Đ hướng dẫn ông Ngô Văn Th cách đối phó, không khai báo và khai báo không trung thực bản chất vụ việc với cơ quan Công an trong file video được lưu trong USB do ông Ngô Văn Th cung cấp cho Công an tỉnh Đắk Lắk, xác định: *Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video mẫu cần giám định. Không đủ cơ sở giám định thời gian khởi tạo file video mẫu cần giám định; Tiếng nói của người đàn ông (Ký hiệu “Đức”*

trong “Bản dịch nội dung”) trong file video mẫu cần giám định và tiếng nói của bị can Dương Ngọc Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; Tiếng nói của người đàn ông (Ký hiệu “Th” trong “Bản dịch nội dung”) trong file video mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Ngô Văn Th trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (khoản 7 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014) và Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2005 (khoản 1 Điều 74 Bộ luật dân sự năm 2015) thì Công ty ĐN là một pháp nhân nên đương nhiên là một tổ chức – chủ thể của quan hệ pháp luật.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp năm 2005 (điểm b khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014), Điều 20 Luật cán bộ, công chức năm 2008) (Điều 20 Luật sửa đổi một số điều của Luật cán bộ, công chức năm 2019) Dương Ngọc Đ (là công chức công tác tại Phòng tham mưu tổng hợp thuộc Ban chỉ đạo Tây Nguyên từ năm 2008 đến năm 2018) không được phép thành lập, điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên từ năm 2011 đến năm 2018 để có tư cách pháp nhân được ký kết và thực hiện hợp đồng liên quan đến dự án trồng cây cao su tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk với Tổng Công ty Nông nghiệp S, Dương Ngọc Đ đã có hành vi lập hồ sơ đăng ký thành lập Công ty ĐN. Sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mặc dù Đ không phải là cổ đông sáng lập, cũng không phải là Phó Giám đốc Công ty ĐN nhưng Dương Ngọc Đ đã cố ý làm giả 48 tài liệu của Công ty ĐN, cụ thể: Làm giả 14 tài liệu gửi cho Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch để đăng ký thay đổi doanh nghiệp; làm giả 14 tài liệu gửi cho Tổng Công ty Nông nghiệp S để được ký kết, thực hiện và thanh lý Hợp đồng 205 và 04 phụ lục hợp đồng kèm theo; làm giả 02 tài liệu gửi cho Công ty B để được tạm ứng kinh phí theo giá trị Hợp đồng 205 là 12 tỷ đồng; làm giả 04 tài liệu gửi cho Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Đắk Lắk, làm giả 03 tài liệu gửi cho Ngân hàng GP Bank, làm giả 03 tài liệu gửi cho Ngân hàng ACB – Phòng giao dịch Minh Châu, thành phố Hồ Chí Minh, làm giả 03 tài liệu gửi cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk, làm giả 05 tài liệu gửi cho Ngân hàng MSB chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để được cấp tài khoản giao dịch cho Công ty ĐN và được toàn quyền giao dịch tài khoản.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau đây:

+ 01 USB hiệu Kingston dung lượng 02GB, màu xanh lá cây (đã niêm phong). Nội dung giao nộp: Ông Th trình bày đây là USB lưu giữ clip ghi lại hình ảnh Dương Ngọc Đ hướng dẫn ông Ngô Văn Th cách khai báo khi làm việc với Cơ quan Công an và 04 đĩa VCD-R thu mẫu để giám định.

+ 01 Bản gốc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư ĐN, mã số doanh nghiệp 6001101890, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/3/2013;

+ 01 con dấu tròn, mực đỏ, nội dung: “CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ĐN”, “★ M.S.D.N: 6001101890 - C.T.C.P”, “★ TP.BUÔN MA THUỘT - T.ĐẮK LẮK” (đã niêm phong);

+ 01 dấu chức danh mực đỏ, nội dung: “PHÓ GIÁM ĐỐC” (đã niêm phong);

+ 01 dấu tên, mực đỏ, nội dung: “Dương Ngọc Đ” (đã niêm phong);

+ 01 Điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Iphone (đã niêm phong);

+ 01 CPU máy tính, nhãn hiệu DELL INSPIRION, số hiệu I93ND12-BLACK, service tag: 2NZR252, màu đen (đã niêm phong);

+ 01 USB nhãn hiệu SanDisk, Cruzer Glide 3.0 loại 16GB, màu đen không chứa dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội (đã niêm phong).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Ngọc Đ phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/4/2022, Bị cáo Dương Ngọc Đ kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội kháng cáo; xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án theo qui định pháp luật

Quan điểm của đại diện VKS: Tại phiên tòa bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của của bị cáo Dương Ngọc Đ giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các LS bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung vụ án và kháng cáo Dương Ngọc Đ thì thấy:

Theo nhận định của án sơ thẩm, Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư ĐN là một tổ chức được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có tài sản độc lập với cá nhân tổ chức khác trong các giao dịch và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia các quan hệ xã hội một cách độc lập. Công ty ĐN được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 17/12/2010; mã số doanh nghiệp 6001101890; địa chỉ trụ sở chính: Số 86 Đường B1, phường T1, thành phố B2; Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Th, chức danh: Giám đốc, cổ phần 400.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập gồm: ông Ngô Văn Th, bà Nguyễn Thị Thanh T cổ phần 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh Tr cổ phần 300.000.000 đồng. Ngành, nghề kinh doanh: *“Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Tư vấn về môi trường); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng cây cao su; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu, Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch tổ chức hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...”*. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/3/2013; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Ngọc H2, chức danh: Giám đốc, cổ phần 400.000.000 đồng. Cổ đông khác: Bà Hỷ Chánh D cổ phần 300.000.000 đồng, ông Dương Ngọc G cổ phần 300.000.000 đồng. Nhưng thực tế, từ khoảng ngày 11/02/2011 đến ngày 10/10/2018, Dương Ngọc Đ mặc dù không tham gia và giữ chức vụ gì trong Công ty ĐN nhưng đã có hành vi sử dụng danh nghĩa là Phó giám đốc Công ty ĐN làm giả 39 tài liệu của Công ty ĐN. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Dương Ngọc Đ và Nguyễn Thị Thanh T biết mình hiện là cán bộ nhà nước (Đảng viên) không thể trực tiếp thành lập và điều hành Doanh nghiệp được. Do muốn ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Nông nghiệp S nên Dương Ngọc Đ nhờ những người quen biết bà con của T và Đ photo CMND nộp hồ sơ xin thành lập doanh nghiệp mang tên là **Công ty Cổ phần ĐN**. Như vậy, mục đích hợp thức hóa tư cách pháp nhân để thành lập **Công ty Cổ phần ĐN** là không đúng thủ tục, gian dối nhằm qua mặt cơ quan chức năng. Ngay sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, ngày 19/3/2013, bị cáo Đ tiếp tục Lập thủ tục và tự ký các giấy tờ liên quan để thay

đổi các cổ đông sáng lập, thủ tục chuyển nhượng cổ phần, thay đổi địa điểm kinh doanh, mở tài khoản ngân hàng để giao dịch và giao cho Dương Ngọc H2 em ruột của mình giữ chức vụ Giám đốc. Nhưng thực chất các thành viên sáng lập, các thủ tục và giấy tờ liên quan, chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc... giấy ủy quyền của Công Ty đều do Dương Ngọc Đ và Nguyễn Thị Thanh T ký và tạo dựng, các thành viên Công ty đều không biết và cũng không góp vốn vào doanh nghiệp. Việc điều hành quản lý Công ty Cổ phần ĐN đều do Dương Ngọc Đ và T quản lý điều hành. Ngày 03/10/2011, Tổng Công ty Nông nghiệp S do Nguyễn Văn Trục - Tổng giám đốc làm đại diện đã ký kết hợp đồng dịch vụ số 205/HĐ -TCT với Công ty ĐN do Dương Ngọc Đ - Phó Giám đốc làm đại diện. Theo nội dung hợp đồng, B đồng ý làm tư vấn dịch vụ cho bên A để thực hiện việc đầu tư trồng và khai thác cây cao su... Cùng ngày, Tổng Công ty Nông nghiệp S có văn bản số 804/GUQ-TCT ủy quyền cho công ty con, trực thuộc là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B TP- Hồ Chí Minh thực hiện toàn bộ hợp đồng dịch vụ số 205 và 04 phụ lục hợp đồng; Công ty B TP- Hồ Chí Minh đã chuyển 12 tỷ đồng tạm ứng cho Công ty ĐN tại ngân hàng GB Bank Chi nhánh S do Dương Ngọc Đ đứng tên theo Ủy quyền. Ngay sau khi nhận tiền bị cáo đã chuyển cho vợ là Phạm Thị Đ2 6.700.000.000đ, chuyển cho người quen ông Phạm quốc Hoàn 2.000.000.000đ và bà Đoàn Thị T3 2.900.000.000đ, Bị cáo rút tiền mặt 393.000.000đ (tổng số tiền là 11.993.000.000 đồng,

[2.2] Quá trình điều tra Dương Ngọc Đ không hợp tác nhưng thừa nhận đã nhận đủ 12 tỉ đồng của Công ty B TP- Hồ Chí Minh. Do không thực hiện được dự án theo HĐ số 205 và 04 phụ lục HĐ, mặc dù dự án đã được gia hạn. Ngày 31/31/2015, Công ty Nông Nghiệp S có công văn yêu cầu Công ty ĐN cung cấp hóa đơn để thanh lý hợp đồng. Nhưng Dương Ngọc Đ không cung cấp được chứng từ 12 tỉ nêu trên. Bị cáo chỉ cung cấp bản tự kê và khai rằng: Số tiền tạm ứng trên bị cáo đã chi cho các cơ quan chức năng của tỉnh Đắk Lắk để xin chủ trương thành lập dự án, vì lo cho các chủ trương trên nên không có hóa đơn chứng từ, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo phủ nhận nội dung này.

[2.3] Như vậy, Dương Ngọc Đ và Nguyễn Thị Thành T biết mình là công chức nhà nước, không thể thành lập và điều hành Doanh nghiệp, để tránh bị phát hiện và qua mặt cơ quan có thẩm quyền nên mượn CMND photo của người quen thành lập **Công ty Cổ phần ĐN** đứng tên người khác, do tự mình ký bổ nhiệm chức vụ quản lý điều hành, thay đổi chức danh với mục đích là ký kết thực hiện dự án theo HĐ số 205 và 04 phụ lục hợp đồng với Tổng Công ty Nông nghiệp S, nhằm chiếm đoạt số tiền 12 tỉ là có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo qui định tại Điều 174 BLHS. Xét thấy: quá trình điều tra, truy tố và xét xử, cấp sơ thẩm mới chỉ xem xét, đánh giá hành vi làm và sử dụng tài liệu giả; không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhà nước của bị cáo cũng như những người có nghĩa vụ liên quan là bỏ lọt hành vi và người

phạm tội, không triệt để vụ án gây thất thoát tài sản của nhà nước. Vụ án còn quá nhiều mâu thuẫn chưa được đối chất để làm rõ, những vấn đề nêu trên không thể điều tra bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm được.

Do vậy cần phải hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra xét xử lại cho đúng tội danh, vai trò những người liên quan, trách nhiệm bồi thường tài sản. Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk điều tra lại theo thủ tục chung theo qui định pháp luật.

[3] Do hủy án sơ thẩm, HĐXX không xem xét kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc Đ. Án phí và các vấn khác có liên quan sẽ được xem xét lại khi xử sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HSST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Dương Ngọc Đ.

Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo qui định pháp luật.

2. Bị cáo Dương Ngọc Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn